

Số: /BC-SGD&ĐT

Lào Cai, ngày

tháng 12 năm 2022

## **BÁO CÁO**

### **Công tác cải cách hành chính năm 2022 cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo**

Thực hiện các văn bản quy định về công tác cải cách hành chính của UBND tỉnh và các Sở ngành liên quan. Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo kết quả thực hiện công tác CCHC năm 2022 như sau:

#### **I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**

##### **1. Về Kế hoạch triển khai công tác cải cách hành chính**

Trong năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã bám sát nội dung công tác cải cách hành chính trong các văn bản chỉ đạo của UBND tỉnh và các Sở, ngành để triển khai thực hiện nhiệm vụ đảm bảo tiến độ đề ra theo chương trình kế hoạch CCHC năm 2022 của Sở (Kế hoạch số 434/KH-UBND ngày 28/12/2021 của UBND tỉnh Lào Cai về việc ban hành Kế hoạch CCHC tỉnh Lào Cai năm 2022; Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 14/3/2022 về việc thông tin tuyên truyền CCHC tỉnh Lào Cai năm 2022; Kế hoạch số 233/KH-UBND ngày 23/6/2022 về hoạt động của Ban Chỉ đạo CCHC tỉnh Lào Cai năm 2022; Thông báo số 136/TB-V PUBND tỉnh ngày 07/6/2022 về Kết luận của Chủ tịch UBND tỉnh tại cuộc họp đánh giá về công tác cải cách hành chính).

##### **2. Công tác kiểm tra Cải cách hành chính**

Sở GD&ĐT đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-SGD&ĐT ngày 18/01/2022 về kiểm tra công tác CCHC năm 2022; Quyết định số 79/QĐ-SGD&ĐT ngày 10/2/2022 về việc thành lập đoàn kiểm tra công tác CCHC năm 2022 của Sở GD&ĐT.

Trong năm 2022 Sở Giáo dục và đào tạo đã lồng ghép kiểm tra công tác cải cách hành chính, trong các cuộc kiểm tra, giám sát, thanh tra thuộc các lĩnh vực theo chức năng nhiệm vụ của Sở Giáo dục và Đào tạo đảm bảo đúng quy định hiệu quả, tiết kiệm thời gian, giảm thủ tục hành chính cho các đơn vị được kiểm tra

##### **3. Công tác tuyên truyền Cải cách hành chính**

Căn cứ Kế hoạch số 97/KH-UBND ngày 14/3/2022 về việc thông tin tuyên truyền CCHC tỉnh Lào Cai năm 2022, Sở GD&ĐT ban hành kế hoạch số 43/KH-SGD&ĐT ngày 17/3/2022 nhằm tổ chức phổ biến, tuyên truyền về công tác CCHC tới toàn thể cán bộ, công chức, viên chức tại cơ quan, đơn vị trực thuộc như: tuyên truyền, phổ biến trong giao ban hàng tuần, tháng, quý; hội nghị sơ kết học kỳ I, tổng kết cơ quan; đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở GD&ĐT

và các đơn vị trực thuộc; niêm yết, công khai danh mục TTHC thuộc thẩm quyền quản lý của Sở GD&ĐT tại bộ phận một cửa; tuyên truyền về nội dung chuyển đổi số ngành giáo dục, về chủ trương thực hiện Chính quyền điện tử của Chính phủ; tuyên truyền về Trang thông tin điện tử Cải cách hành chính nhà nước của Bộ Nội vụ đến các cơ quan, đơn vị trực thuộc (Công văn số 1479/SGD&ĐT-TCCB ngày 30/8/2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo).

#### **4. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới trong Cải cách hành chính**

Sáng kiến: *Một số giải pháp tăng cường sự hài lòng của các tổ chức, cá nhân khi thực hiện các TTHC tại Bộ phận “Tiếp nhận và trả kết quả” của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lào Cai tại trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai*, được công nhận đạt sáng kiến cấp cơ sở và đang làm các thủ tục trình Hội đồng sáng kiến cấp tỉnh thẩm định, công nhận.

## **II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**

### **1. Cải cách thể chế**

#### **1.1. Công tác tham mưu xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (QPPL)**

Năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo được giao tham mưu xây dựng văn bản QPPL thuộc thẩm quyền của HĐND tỉnh (văn bản số 425/UBND-NC ngày 27/01/2022 của UBND tỉnh).

Tính đến 07/12/2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã hoàn thành quy trình xây dựng văn bản quy phạm pháp luật đối với 06 Nghị quyết, đến nay đã được ban hành và tổ chức hướng dẫn thực hiện

- Nghị Quyết số 8/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai quy định về nội dung, mức chi để chuẩn bị, tổ chức và tham dự các kỳ thi, cuộc thi, hội thi đối với giáo dục phổ thông; hỗ trợ cho học sinh nội trú, bán trú, học sinh có hoàn cảnh khó khăn trong thời gian ôn tập, thi tốt nghiệp THPT trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nghị Quyết số 09/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai về tiếp tục hỗ trợ cho học sinh các xã khu vực II, khu vực III hoàn thành nông thôn mới trong năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nghị Quyết số 11/2022 ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định khoản thu, mức thu và cơ chế quản lý thu, chi các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nghị quyết số 07/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông công lập năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

- Nghị quyết bổ sung Quy định về các chính sách đặc thù hỗ trợ phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025 (đã được Thông qua tại kỳ họp HĐND ngày 07/12/2022, đang chờ ban hành)

- Nghị quyết hỗ trợ học phí cho trẻ em tại cơ sở giáo dục Mầm non công lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi theo quy định của Thủ tướng Chính phủ (đã được Thông qua tại kỳ họp HĐND ngày 07/12/2022, đang chờ ban hành)

### ***1.2. Công tác thi hành pháp luật và theo dõi, thi hành pháp luật***

Thực hiện Kế hoạch số 26/KH-UBND ngày 24/1/2022 của UBND tỉnh về việc theo dõi tình hình thi hành pháp luật năm 2022 trên địa bàn tỉnh Lào Cai, Sở GD&ĐT đã chủ động ban hành Kế hoạch số 28/KH-SGD&ĐT ngày 14/2/2022 về Quản lý, theo dõi thi hành pháp luật của Sở GD&ĐT năm 2022. Trong đó, đã chỉ đạo và phân công nhiệm vụ cụ thể các phòng của Sở, các Phòng GD&ĐT căn cứ chức năng nhiệm vụ của mình chỉ đạo các đơn vị quản lý thực hiện nghiêm túc công tác theo dõi thi hành pháp luật theo đúng quy định tại Nghị định số 59/2012/NĐ-CP ngày 23/7/2012 của Chính phủ về theo dõi tình hình thi hành pháp luật.

Năm 2022 Sở GD&ĐT ban hành kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong toàn ngành, chia thành 04 đợt/năm <sup>1</sup>

Việc kiểm tra việc thực hiện công tác theo dõi tình hình thi hành pháp luật: Căn cứ Kế hoạch thanh tra được duyệt năm 2022, một số cuộc thanh tra chuyên ngành và thanh tra hành chính có lồng gán nội dung kiểm tra công tác tuyên truyền GDPL tại các trường. Từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 25/11/2022, đã tổ chức 04 cuộc thanh tra đối với các cơ sở giáo dục trực thuộc. Kết quả, các đơn vị được kiểm tra thực hiện đúng việc thi hành pháp luật. Đã phối hợp với Sở Tư pháp thường xuyên kiểm tra, xử lý văn bản QPPL, hệ thống hóa văn bản QPPL liên quan lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở địa phương; báo cáo kết quả rà soát văn bản QPPL theo quy định.

Việc xử lý kết quả theo dõi thi hành pháp luật: Trong thời gian từ ngày 01/01/2022 đến hết ngày 25/11/2022 trong phạm vi quản lý của Sở GD&ĐT không xảy ra số vụ việc nào liên quan đến thi hành pháp luật. Việc thực hiện chế độ báo cáo đảm bảo đúng theo quy định

### ***1.3. Công tác thực hiện tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật***

Trong năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật theo hướng dẫn của Sở Tư pháp và chỉ đạo của các cấp. Căn cứ kế hoạch số 39/KH-STP ngày 09/5/2022 của Sở Tư pháp về phổ biến pháp luật đợt II năm 2022 và các văn bản chỉ đạo các cấp, Sở GD&ĐT đã ban hành các kế hoạch để phổ biến, giáo dục pháp luật trong năm 2022<sup>2</sup>

Kết quả thực hiện như sau

---

<sup>1</sup> Kế hoạch số 147/KH-SGD&ĐT ngày 14/9/2021 về việc Triển khai công tác pháp chế năm học 2021-2022; Kế hoạch số 192/KH-SGD&ĐT ngày 14/10/2021 về việc triển khai công tác pháp chế năm học 2022-2023; Kế hoạch số 40/KH-SGD&ĐT ngày 08/3/2022 Kế hoạch phổ biến GDPL đợt 1 năm 2022; số 103/KH-SGD&ĐT ngày 17/5/2022 Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật đợt 2 năm 2022; số 149/KH-SGD&ĐT ngày 22/7/2022 Kế hoạch phổ biến giáo dục pháp luật đợt 3; số 1669/KH-SGD&ĐT ngày 23/9/2022 Kế hoạch phổ biến GDPL đợt 4 năm 2022

- Số văn bản pháp luật đã phổ biến: 445. Trong đó, Luật: 08; Nghị quyết của Quốc hội và Ủy ban thường vụ Quốc hội: 18; Nghị định của Chính phủ: 114; Quyết định, Chỉ thị của Thủ tướng: 24; văn bản của các bộ, ngành: 128; Chỉ thị, Nghị quyết, Đề án của Tỉnh ủy: 05; Nghị quyết Hội đồng Nhân dân: 22; Quyết định, Kế hoạch của UBND tỉnh Lào Cai: 79; văn bản niêm yết, công bố công khai: 33; số lượng văn bản được tuyên truyền, phổ biến "nhắc lại": 14.

- Số lượng người được tuyên truyền pháp luật, tổng 179.675 người, 723.633 lượt, trong đó:

+ Cán bộ, giáo viên, nhân viên: 17.000 người, 67.533 lượt.

+ Học sinh phổ thông: 162.675 người, 656.100 lượt

- Tổng kinh phí toàn ngành: 301.701.000 đồng. Kinh phí từ ngân sách phân bổ thường xuyên: 148.201.000 đồng; kinh phí từ nguồn xã hội hóa: 153.500.000 triệu đồng

#### ***1.4. Công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL***

Sở GD&ĐT đã ban hành Kế hoạch số 187/KH-SGD&ĐT ngày 24/12/2021 về Kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2022. Công tác kiểm tra, rà soát tiếp tục được tăng cường nhằm kịp thời phát hiện những văn bản không còn phù hợp để kịp thời kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành mới.

- Tại các cuộc họp giao ban hàng tuần, tháng trưởng các bộ phận công tác báo cáo và xin ý kiến lãnh đạo cơ quan, lãnh đạo các phòng về tiến độ, cách thức hoàn thiện nhiệm vụ xây dựng, tự kiểm tra và rà soát văn bản QPPL liên quan đến nhiệm vụ được giao phụ trách.

- Thực hiện, nghiên cứu, góp ý các văn bản quy phạm pháp luật của tỉnh và của trung ương. Tổng số văn bản góp ý 37 văn bản.

Cập nhật kịp thời 100% các văn bản QPPL của Trung ương, HĐND, UBND tỉnh ban hành liên quan đến từng vấn đề trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo.

## **2. Cải cách thủ tục hành chính**

### ***2.1. Công tác kiểm soát thủ tục hành chính***

#### ***a) Công bố, công khai thủ tục hành chính***

- Sở GD&ĐT đã tiến hành rà soát và tham mưu UBND tỉnh ra Quyết định công bố danh mục 127 TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở GD&ĐT. Tổng số các TTHC hiện tại đang thực hiện là 127 (Trong đó: cấp tỉnh 86 TTHC; cấp huyện 36 TTHC; cấp xã: 05 TTHC) các TTHC đều được công khai trên cổng dịch vụ công của tỉnh và cổng dịch vụ công quốc gia, quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC đã được phê duyệt đạt 100 %. Trên Cổng thông tin điện tử của Sở đã mở trang chuyên mục thủ tục hành chính, thường xuyên đăng tải các văn bản

---

<sup>2</sup> Kế hoạch số 103/KH-SGD&ĐT ngày 17/5/2022 về phổ biến, giáo dục pháp luật đợt II năm 2022; Kế hoạch số 149/KH-SGD&ĐT ngày 22/7/2022 về phổ biến, giáo dục pháp luật đợt III năm 2022; Kế hoạch số 179/KH-SGD&ĐT ngày 23/9/2022 về phổ biến, giáo dục pháp luật đợt IV năm 2022.

QPPL mới, hướng dẫn thực hiện các thủ tục hành chính trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo, ngoài ra TTHC còn được niêm yết thực hiện tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai. 100% hồ sơ được cập nhật thông tin xử lý trên phần mềm một cửa điện tử VNPT-iGate; công khai thông tin về quy trình, thủ tục và thời gian thực hiện TTHC để tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến giải quyết TTHC thuộc lĩnh vực GD&ĐT

- Hiện tại Sở GD&ĐT đã đăng ký 05 TTHC tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3; 81 TTHC tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

- Thực hiện đúng quy trình tiếp nhận và trả kết quả cho các tổ chức, cá nhân các hồ sơ đều được tiếp nhận qua bộ phận tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai (quầy giao dịch Sở Giáo dục và Đào tạo)

#### *b) Kết quả giải quyết TTHC*

Kết quả tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC trong năm 2022: Số hồ sơ đã tiếp nhận và giải quyết 324 hồ sơ; 100% hồ sơ TTHC được giải quyết đúng hạn (trong đó trước hạn: 183 hồ sơ; đúng hạn 141 hồ sơ; không có hồ sơ trễ hạn)

#### *c) Cung cấp dịch vụ công trực tuyến*

- Tình hình triển khai dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ: Hiện tại Sở GD&ĐT đã đăng ký 05 TTHC tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3; 81 TTHC tiếp nhận dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4.

+ Số hồ sơ phát sinh dịch vụ công mức độ 3: 00 hồ sơ; Số hồ sơ phát sinh dịch vụ công mức độ 4: 324 hồ sơ.

+ Hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 3: 00 hồ sơ; sơ tiếp nhận qua dịch vụ công trực tuyến ở mức độ 4: 324 hồ sơ

#### *d) Tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI*

Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI.

- Tiếp tục phối hợp với Bưu điện tỉnh Lào Cai triển khai dịch vụ Bưu chính công ích; 228/324 hồ sơ thực hiện nhận hoặc trả kết quả qua dịch vụ Bưu chính công ích.

### **2.2. Thực hiện cơ chế một cửa, cơ chế một cửa liên thông**

- Tình hình thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 24/3/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính. Cơ quan Sở GD&ĐT thực hiện tốt cơ chế một cửa trong hoạt động tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC. Kien toàn bộ phận phụ trách và cử công chức làm việc tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Lào Cai.



								2023	
1	Lãnh đạo Sở GD&ĐT	4			4	1	3		
2	Văn phòng	8	2	2	3	1	2	2	
3	Thanh tra	5	1	1	2	1	1	1	
4	TCCB	5	1	1	2	1	1	1	
5	KHTH	8	2	1	2	1	1	2	
6	Mầm non	5	1	1	2	1	1	1	
7	Tiểu học	5	1	2	2	1	1	1	
8	Trung học	8	2	1	2	1	1	2	
9	GDDH&GDTX	5	1	2	3	1	2	1	
10	QLCL	5	1	1	2	1	1	1	
<b>Tổng số</b>		<b>58</b>	<b>12</b>	<b>12</b>	<b>24</b>	<b>10</b>	<b>14</b>	<b>12</b>	

### **b) Thực hiện sắp xếp số lượng số lượng CBQL các đơn vị trực thuộc**

- Số lượng CBQL giao năm 2021: 121

- Số lượng CBQL giao năm 2022: 116 (*Giảm 05 người*), đảm bảo đúng quy định theo Nghị định 120 của Chính phủ.

### **3.2. Về biên chế**

Thực hiện đúng quy định về số lượng người làm việc tại cơ quan (58/58 biên chế công chức; 02 hợp đồng theo Nghị định số 68/NĐ-CP), theo Quyết định số 4377/QĐ-UBND ngày 17/12/2021; Quyết định số 4395/QĐ-UBND ngày 20/12/2021; Văn bản số 356/TB-SNV ngày 30/12/2021 của Sở Nội vụ.

- Căn cứ Kết luận số 28-KL/TW ngày 21/2/2022 của Bộ Chính trị về tinh giản biên chế và cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; nhiệm vụ đã nêu trong Kế hoạch số 114/KH-SGD&ĐT ngày 28/5/2022 về thực hiện tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026 đối với sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc, Sở Giáo dục và Đào tạo tiếp tục rà soát, sắp xếp đội ngũ, hướng dẫn các đơn vị xây dựng đề án tinh giản biên chế giai đoạn 2022-2026. Hướng dẫn các đơn vị lập hồ sơ tinh giản biên chế đợt 1 năm 2023 (*Công văn số 1435/SGD&ĐT-TCCB ngày 24/8/2022*).

- Thực hiện đúng các quy định về tổ chức bộ máy; phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp các vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của từng công chức, viên chức; đề xuất phân cấp nội dung "*Số hóa trong quản lý, theo dõi cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai*" theo văn bản số 3873/UBND-TH ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh.

### **3.3. Thực hiện phân cấp**

Thực hiện nghiêm túc các quy định về tổ chức bộ máy; phân cấp quản lý công tác tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức; sắp xếp các vị trí việc làm phù hợp với trình độ chuyên môn, năng lực công tác của từng công chức, viên chức; đề xuất phân cấp nội dung “Số hóa trong quản lý, theo dõi cơ sở vật chất, thiết bị dạy học các cơ sở giáo dục trên địa bàn tỉnh Lào Cai” theo văn bản số 3873/UBND-TH ngày 22/8/2022 của UBND tỉnh.

#### **4. Cải cách công vụ**

##### **4.1. Công tác cán bộ**

- Công tác kiện toàn đội ngũ CBQL các cơ sở Giáo dục: Thực hiện rà soát, sắp xếp, kiện toàn lại đội ngũ cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục, đảm bảo đúng quy định tại Nghị định số 120 của chính phủ, đáp ứng được công tác quản lý điều hành của các đơn vị ngay từ đầu năm học mới 2022-2023; hướng dẫn công tác tổ chức cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người lao động ngành giáo dục và đào tạo năm học 2022 -2023<sup>3</sup>

- Thực hiện chế độ, chính sách đối với đội ngũ:

- Giải quyết chế độ nghỉ hưu đúng tuổi theo Luật BHXH đối với 11 viên chức; Quyết định giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP đối với 02 viên chức; quyết định giải quyết cho 09 viên chức thôi việc theo nguyện vọng; Thực hiện nâng bậc lương thường xuyên và PCTNVK đối với 368 công chức, viên chức;

- Thực hiện chế độ hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với 14 công chức, viên chức hoàn thành chương trình đào tạo Thạc sĩ, Tiến sĩ (theo Nghị quyết số 11/2020/NQ-HĐND tỉnh, Kinh phí thực hiện: 745.000.000 đồng);

- Chuyển đổi chức danh nghề nghiệp cho 1425 cán bộ, quản lý, giáo viên THCS, THPT theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

- Công tác luân chuyển, điều động đối với 42 công chức, viên chức, trong đó: điều động ra ngoài tỉnh Lào Cai: 04 người; Điều động ra ngoài cơ quan, đơn vị trực thuộc Sở GD &ĐT: 12 người; điều động trong nội bộ các đơn vị trực thuộc Sở: 26 người.

##### **4.2. Công tác tuyển dụng và quản lý cán bộ**

Đề kiện toàn đội ngũ, bố trí giáo viên chuẩn bị cho năm học mới, Sở Giáo dục và Đào tạo đã phối hợp với Sở Nội vụ, UBND huyện, thị xã, thành phố tổ chức tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và Đào tạo theo Kế hoạch số 206/KH-UBND ngày 30/5/2022 của UBND tỉnh.

Kết quả thực hiện: Tuyển dụng được 231/500 chỉ tiêu (**46,2%**) giáo viên các cấp học; tham mưu cho UBND tỉnh cho phép Sở Giáo dục và Đào tạo, UBND huyện, thị xã, thành phố tiếp tục được hợp đồng giáo viên (*Công văn số 4262/UBND-NC ngày 14/9/2022 của UBND tỉnh Lào Cai về việc hợp đồng và*

<sup>3</sup> Báo cáo số 416/BC-SGD&ĐT ngày 10/11/2022 Báo cáo kết quả thực hiện công tác phòng chống tham nhũng về việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu; việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2022.



tuyển dụng giáo viên năm học 2022-2023), kết quả hợp đồng được trên 200 giáo viên các cấp học.

### **4.3. Công tác đào tạo, bồi dưỡng năm 2022**

Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên năm học 2022-2023 theo kế hoạch tổng thể và kế hoạch thành phần; chuyên đề bồi dưỡng gắn với nội dung đổi mới phương pháp, chương trình sách giáo khoa giáo dục phổ thông mới; chuẩn bị cho năm học mới<sup>4</sup>.

Kết quả thực hiện.

- Cử đi đào tạo trình độ thạc sỹ: 07 người; Cao cấp lý luận chính trị cho CBQL đơn vị trực thuộc: 04 người;

- Công tác bồi dưỡng chuyên môn: Thực hiện bồi dưỡng **6400** lượt CBQL, Trưởng, phó các tổ chuyên môn, các tổ chức đoàn thể, giáo viên cốt cán các cấp học; trên **16.000** lượt giáo viên mầm non và phổ thông.

- Bồi dưỡng theo yêu cầu của vị trí việc làm công chức cơ quan Sở GD&ĐT (Tiếng Mông và Tiếng Anh) đối với: 03 người.

## **5. Cải cách tài chính công**

### **5.1. Việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính**

Tiếp tục triển khai, thực hiện đúng quy định Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ về cơ chế tự chủ tài chính đơn vị sự nghiệp công lập theo công văn số 575/UBND-TH ngày 16/2/2022 của UBND tỉnh.

Thường xuyên thực hiện tốt chế độ công khai tài chính, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong cơ quan và sử dụng có hiệu quả các nguồn tài chính, tài sản được UBND tỉnh giao. Thực hiện thanh toán các khoản chi tiêu công bằng phương thức chuyển khoản.

Tuyên truyền, khuyến khích các cơ sở giáo dục, phụ huynh học sinh thực hiện thanh toán học phí, các khoản thu, các khoản đóng góp trong nhà trường bằng hình thức chuyển khoản qua ngân hàng. Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện đảm bảo quy định quản lý các khoản tài trợ (thu, chi XXH) dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục (Công văn số 1463/SGD&ĐT-KHTH ngày 26/8/2022); Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện nhiệm vụ quản lý tài chính, cơ sở vật chất, thiết bị dạy học năm học 2022-2023; công văn số 1470/SGD&ĐT-KHTH ngày 29/8/2022)

Thực hiện cắt giảm tối đa mua sắm các danh mục tài sản công và tiết kiệm trong chi tiêu hành chính theo Nghị định số 11/NQ-CP ngày 24/02/2011 của Chính phủ. Ban hành chương trình tổng thể thực hành tiết kiệm, chống lãng phí (Quyết định số 162/QĐ-SGD&ĐT ngày 01/3/2022).

### **5.2. Xây dựng cơ chế chính sách**

<sup>4</sup> Báo cáo số 346/BC-SGD&ĐT 14/09/2022 về việc báo cáo kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CCVC 09 tháng đầu năm 2022

Sở Giáo dục và Đào tạo đã ban hành các văn bản hướng dẫn thực hiện 04 Nghị quyết của HĐND tỉnh (Công văn số 1233/SGD&ĐT-KHTH ngày 29/7/2022 hướng dẫn thực hiện nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai; Công văn số 1319/SGD&ĐT-KHTH ngày 09/8/2022 hướng dẫn thực hiện Nghị quyết 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh); trên cơ sở đó yêu cầu các cơ sở giáo dục tổ chức triển khai thực hiện để chính sách được áp dụng hiệu quả;

## **6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**

### **6.1. Tình hình triển khai ứng dụng Công nghệ thông tin**

Căn cứ các nhiệm vụ ứng dụng CNTT, chuyển đổi số trong ngành GD&ĐT phù hợp được nêu trong Đề án Phát triển CNTT và truyền thông tỉnh Lào Cai giai đoạn 2020-2025; Kế hoạch số 189/KH-SGD&ĐT ngày 28/12/2021 về Hoạt động Công Thông tin điện tử Sở GD&ĐT năm 2022, Kế hoạch số 194/KH-SGD&ĐT ngày 31/12/2021 về Chuyển đổi số cơ quan Sở GD&ĐT năm 2022.

Sở Giáo dục và Đào tạo đã và đang tiếp tục triển khai, sử dụng có hiệu quả hệ thống mạng LAN kết nối trực tiếp hoặc gián tiếp thông qua mạng Internet. 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính làm việc, được cài đặt phần mềm diệt virus bản quyền; quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả phần mềm quản lý công việc Vnptioffice.

- Đôn đốc, có giải pháp tăng cường sử dụng hệ thống thư điện tử công vụ tỉnh Lào Cai để giao dịch ([mail.laocai.gov.vn](mailto:mail.laocai.gov.vn)), cơ bản văn bản hành chính được xử lý trên môi trường mạng Internet (trừ văn bản mật).

- Thực hiện hiệu quả phần mềm kế hoạch công tác, lịch công tác cho toàn bộ công chức cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT tích hợp với cơ sở dữ liệu của tỉnh

Cổng thông tin điện tử của Sở GD&ĐT đăng tải, cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin chỉ đạo điều hành, thực hiện tốt chuyên mục hỏi - đáp. Trong quý năm 2022, Sở Giáo dục và Đào tạo đã trả lời **103/103 (đạt 100%)** câu hỏi của công dân trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Duy trì và đẩy mạnh việc gửi, nhận văn bản điện tử, sử dụng chữ ký số. Trong năm 2022 đã có: 12303 văn bản đến, 7208 văn bản đi, 7190 văn bản đi được ký số (100%).

Triển khai có hiệu quả việc giải quyết TTHC tại bộ phận một cửa, một cửa liên thông (*Có 07 TTHC được thực hiện theo hình thức liên thông cùng cấp*).

Thực hiện hiệu quả phần mềm kế hoạch công tác, lịch công tác cho toàn bộ công chức cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo; tiếp tục cập nhật và hoàn thiện cơ sở dữ liệu ngành GD&ĐT tích hợp với cơ sở dữ liệu của tỉnh.

- Để tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và hoạt động quản lý điều hành, xử lý công việc, gửi nhận văn bản điện tử, kết nối chia sẻ, trao đổi thông tin, hồ sơ công việc qua mạng; thực hiện số hoá cơ sở dữ liệu trong hoạt động quản lý chỉ đạo, hoạt động dạy và học trong ngành giáo dục và đào tạo, Sở Giáo

dục và đào tạo đã tham mưu cho UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 Chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 ( Thời điểm hiện tại, Sở Giáo dục và Đào tạo là Sở duy nhất được UBND tỉnh phê duyệt ban hành kế hoạch )

### **6.2. Về thực hiện ISO trong hoạt động của cơ quan**

Tiếp tục thực hiện theo Kế hoạch số 31/KH-SGD&ĐT ngày 18/02/2022 về việc triển khai duy trì, áp dụng, cải tiến HTQLCL theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của Sở GD&ĐT năm 2022.

## **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

### **1. Ưu điểm**

Các nhiệm vụ CCHC được cơ quan triển khai nghiêm túc theo kế hoạch. Việc đẩy mạnh tuyên truyền, tăng cường ứng dụng CNTT vào triển khai nhiệm vụ trực tuyến; chỉ đạo điều hành; xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng đã mang lại chuyển biến tích cực, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan, nâng cao chất lượng phục vụ nhân dân.

Các TTHC được thực hiện theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông theo quy định; TTHC được công bố, công khai kịp thời, đầy đủ; dịch vụ công trực tuyến được đẩy mạnh thực hiện.

Chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức ngày một nâng cao đáp ứng cho việc triển khai thực hiện, mục tiêu kế hoạch CCHC năm 2022.

### **2. Tồn tại, hạn chế, nguyên nhân**

Công chức được giao nhiệm vụ rà soát văn bản QPPL chủ yếu thực hiện nhiệm vụ kiêm nhiệm nên trình độ chuyên sâu về kiến thức Luật và kinh nghiệm thực tiễn còn gặp khó khăn trong triển khai thực hiện.

## **III. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH TRỌNG TÂM**

1. Tiếp tục đẩy mạnh triển khai đồng bộ và hoàn thành các mục tiêu, nhiệm vụ CCHC đã đề ra tại Kế hoạch số 192/KH-SGD&ĐT ngày 31/12/2021.

2. Tập trung đẩy mạnh triển khai thực hiện Đề án “cải cách hành chính trên địa bàn tỉnh Lào Cai, giai đoạn 2021-2025” theo kế hoạch số 82/KH-UBND ngày 1/3/2021 của UBND tỉnh Lào Cai trong ngành GD&ĐT.

3. Xây dựng và cụ thể hoá các nhiệm vụ đã nêu trong Chuyển đổi số trong ngành giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025 và định hướng đến năm 2030 (Kế hoạch số 354/KH-UBND ngày 24/10/2022 của UBND tỉnh).

4. Nâng cao chất lượng công tác tham mưu xây dựng, ban hành, kiểm tra, rà soát, hệ thống hoá văn bản QPPL, đảm bảo tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, thống nhất và khả thi.

5. Thực hiện tốt công tác kiểm soát TTHC; thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC, tiếp tục rà soát, cắt giảm thời gian giải

quyết TTHC, tăng cường tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết TTHC qua dịch vụ BCCI.

6. Tiếp tục kiện toàn chức năng, nhiệm vụ các phòng, ban cơ quan Sở GD&ĐT; sắp xếp, tổ chức bộ máy, cơ cấu số lượng lãnh đạo theo quy định.

7. Tăng cường thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, công vụ của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo Chỉ thị số 06/CT-UBND ngày 06/4/2015 của UBND tỉnh.

8. Đẩy mạnh công tác ứng dụng CNTT, tăng cường thực hiện dịch vụ công trực tuyến và sử dụng bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính; thực hiện chuyển đổi số trong ngành GD&ĐT.

9. Tăng cường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra, đánh giá việc thực hiện công tác CCHC đối với cơ quan, đơn vị trực thuộc.

**V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:** Không.

Sở Giáo dục và Đào tạo trân trọng báo cáo./.

**Nơi nhận:**

- Sở Nội vụ ;
- Văn phòng UBND tỉnh ;
- Sở Tư pháp ;
- Sở TTTT;
- Sở Tài chính;
- Lãnh đạo Sở GD&ĐT;
- Các Phòng thuộc Sở GD&ĐT;
- Các Phòng GD&ĐT;
- Các đơn vị trực thuộc Sở;
- Công TTĐT cơ quan Sở GD&ĐT;
- Lưu: VT, TCCB.

**GIÁM ĐỐC**

**Dương Bích Nguyệt**

**PHỤ LỤC 1**  
**DANH MỤC MỘT SỐ VĂN BẢN DO SỞ GD&ĐT BAN HÀNH ĐỂ CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH**  
**VÀ TỔ CHỨC THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC TRONG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-SGD&ĐT ngày /12/2022 của Sở GD & ĐT)

STT	Tên loại, số ký hiệu văn bản	Thời gian ban hành	Trích yếu nội dung văn bản
<b>I</b>	<b>KẾ HOẠCH</b>		
1	Kế hoạch số 103/KH-GD&ĐT	17/5/2022	Phổ biến pháp luật đợt 2 năm 2022
2	Kế hoạch số 149/KH-GD&ĐT	22/7/2022	Phổ biến pháp luật đợt 3 năm 2022
3	Kế hoạch số 129/KH-GD&ĐT	21/6/2022	Đào tạo bồi dưỡng, CB, CC, VC cơ quan và đơn vị trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2023
4	Kế hoạch số 140/KH-GD&ĐT	30/6/2022	Thực hiện công tác bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên trong hè năm 2022 và năm học 2022-2023
5	Kế hoạch số 117/KHSGD&ĐT	06/06/2022	Kế hoạch tự kiểm tra công tác phổ biến, giáo dục pháp luật
6	Kế hoạch số 118/KHSGD&ĐT	07/06/2022	Kế hoạch xây dựng danh mục tài liệu ôn thi vòng 2 tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục và đào tạo tỉnh Lào Cai năm 2022
7	Kế hoạch số 119/KHSGD&ĐT	07/06/2022	Kế hoạch thúc đẩy dịch vụ công trực tuyến và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích trong giải quyết thủ tục hành chính năm 2022 của Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Kế hoạch số 137/KHSGD&ĐT	29/06/2022	Kế hoạch phát triển giáo dục năm 2023-2024
9	Kế hoạch số 146/KHSGD&ĐT	14/07/2022	Kế hoạch Tổ chức tập huấn cho cán bộ quản lý, giáo viên, cộng tác viên tham gia Đề tài NCKH “Đánh giá thực trạng và giải pháp tổ chức hoạt động làm quen sớm với đọc, viết và toán ở trẻ mầm non, vùng DTTS tỉnh Lào Cai
10	Kế hoạch số 150/KHSGD&ĐT	26/07/2022	Kế hoạch cải thiện chỉ số PAPI, SIPAS của Sở GD & ĐT năm 2022
11	Kế hoạch số 151/KHSGD&ĐT	28/07/2022	Duy trì và cải thiện chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX) của Sở Giáo dục và Đào tạo năm 2022

12	Kế hoạch số 157/KH- GD&ĐT	09/08/2022	KH tổng kết năm học 2021-2022; Hội nghị tập huấn nâng cao năng lực CBQL giáo dục năm học 2022-2023
13	Kế hoạch số 183/KHSGD&ĐT	30/09/2022	Kế hoạch triển khai các nhiệm vụ, giải pháp thực hiện Đề án “Tăng cường năng lực tiếp cận pháp luật của người dân” ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023-2030
14	Kế hoạch 204/KHSGD&ĐT	07/11/2022	Rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ của Sở Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2022-2025
<b>II</b>	<b>CÔNG VĂN</b>		
1	Công văn số 902/SGD&ĐT-TCCB	08/06/2022	Sử dụng đội ngũ thực hiện chương trình giáo dục phổ thông mới
2	Công văn số 935/SGD&ĐT-GDTRH	10/06/2022	Hướng dẫn tuyển sinh nội trú trung ương năm học 2022-2023
3	Công văn số 955/SGD&ĐT-GDDH&GDTX	15/06/2022	Triển khai thi hành Luật phòng, chống tác hại của rượu, bia trong ngành giáo dục
4	Công văn số 1027/SGD&ĐT-GDDH&GDTX	30/06/2022	Triển khai, thực hiện kế hoạch số 237/KH-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh Lào Cai.
5	Công văn số 1154/SGD&ĐT-TCCB	15/07/2022	Vb chỉ đạo rà soát, thực hiện đảm bảo lộ trình đào tạo nâng chuẩn trình độ chuyên môn cho giáo viên tiểu học
6	Công văn số 1180/SGD&ĐT-QLCL	20/07/2022	Tập huấn công tác tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành GDMN năm 2022
7	Công văn số 1233/SGD&ĐT-KHTH	29/07/2022	V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 09/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Lào Cai
8	Công văn số 1319/SGD&ĐT-KHTH	09/08/2022	V/v triển khai thực hiện Nghị quyết số 11/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai
9	Công văn số 1427/SGD&ĐT-TCCB	23/8/2022	Thực hiện hướng dẫn công tác tổ chức cán bộ, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người lao động ngành giáo dục và đào tạo năm học 2022 -2023
10	Công văn số 1463/SGD&ĐT-KHTH	26/8/2022	Hướng dẫn các cơ sở giáo dục thực hiện đảm bảo quy định quản lý các khoản tài trợ (thu, chi XXH) dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục

11	Công văn số 1465/SGD&ĐT-VP	26/08/2022	Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2022-2023 của Văn phòng
12	Công văn số 1470/SGD&ĐT-KHTH	29/08/2022	Hướng dẫn nhiệm vụ quản lý tài chính, CSVC năm học 2022-2023
13	Công văn số 1490/SGD&ĐT-GDMN	30/08/2022	Hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ GDMN, năm học 2022- 2023
14	Công văn số 1495/SGD&ĐT-QLCL	31/08/2022	Hướng dẫn nhiệm vụ Quản lý chất lượng năm học 2022-2023
15	Công văn số 1498/SGD&ĐT-GDTH	31/08/2022	Hướng dẫn nhiệm vụ GDTrH năm học 2022 - 2023
16	Công văn số 2161/SGD&ĐT	14/11/2022	Đẩy mạnh thực hiện Kế hoạch hoạt động của BCD -CCHC tỉnh Lào Cai
17	Công văn số 2118/SGD&ĐT	08/11/2022	Đôn đốc, rà soát thực hiện nhiệm vụ CCHC năm 2022 theo kế hoạch
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO</b>		
1	Báo cáo 468/BC-SGD&ĐT	07/12/2022	BÁO CÁO Tình hình hoạt động Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT năm 2022
2	461/BC-SGD&DDT	30/11/2022	Báo cáo Kết quả hoạt động của thành viên Ban chỉ đạo CCHC tỉnh
3	454/BC-SGD&ĐT	28/11/2022	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật năm 2022
4	452/BC-SGD&ĐT	28/11/2022	BC tình hình triển khai thực hiện nhiệm vụ đầu năm học và phong trào thi đua “Đổi mới, sáng tạo trong dạy và học” năm học 2022-2023
5	449/BC-SGD&ĐT	25/11/2022	BC công tác thi đua, công tác khen thưởng năm 2022 (Phục vụ việc kiểm tra công tác thi đua khen thưởng Khối thi đua văn hóa - xã hội)
6	446/ BC-SGD&ĐT	25/11/2022	Báo cáo công tác theo dõi thi hành pháp luật năm 2022
7	447/BC-SGD&ĐT	25/11/2022	Báo cáo tình hình nâng cao điểm số, duy trì thứ hạng chỉ số tuân thủ pháp luật B1 năm 2022
8	432/BC-SGD&ĐT	18/11/2022	Báo cáo tình hình thực hiện Chỉ số cải thiện các quy định của pháp luật
9	429/BC-SGD&ĐT	18/11/2022	Báo cáo phương án phân loại tự chủ đơn vị SNCL giai đoạn 2023-2025
10	425/BC-SGD&ĐT	14/11/2022	Báo cáo công tác kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2022

11	416/BC-SGD&ĐT	10/11/2022	Kết quả thực hiện công tác phòng chống tham nhũng về việc xử lý trách nhiệm của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu; việc chuyển đổi vị trí công tác đối với công chức, viên chức năm 2022
12	399/ BC-SGD&ĐT	26/10/2022	Báo cáo Kết quả thực hiện công tác phòng, chống tham nhũng năm 2022
13	360/BC-SGD&ĐT	23/09/2022	Báo cáo kết quả triển khai thực hiện công tác phổ biến giáo dục pháp luật đợt III năm 2022
14	349/BC-SGD&ĐT	14/09/2022	Báo cáo Tình hình hoạt động Cổng thông tin điện tử Sở GD&ĐT Quý III năm 2022
15	346/BC-SGD&ĐT	14/09/2022	BC kết quả công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ CCVC 09 tháng đầu năm 2022



**PHỤ LỤC 2**  
**THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH**  
**TẠI SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TRONG NĂM 2022**

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: /BC-SGD&ĐT ngày /12/2022 của Sở GD & ĐT)

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>I</b>	<b>CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CCHC</b>			
<b>1.</b>	<b>Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành</b>	<b>Văn bản</b>		
<b>2.</b>	<b>Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm</b>	<b>%</b>	<b>100</b>	
2.1.	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	30	
2.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	30	
<b>3.</b>	<b>Kiểm tra CCHC</b>			
3.1.	Số phòng ban, đơn vị đã kiểm tra	Phòng, đơn vị	03	
3.2.	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%	0	
3.2.1.	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề	0	
3.2.2.	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề	0	
<b>4.</b>	<b>Thanh tra việc thực hiện quy định pháp luật về tuyển dụng, quản lý, sử dụng công chức, viên chức và tổ chức bộ máy</b>			<i>(thuộc thẩm quyền của Sở Nội vụ)</i>
4.1.	Số cơ quan, đơn vị được thanh tra	%	-	
4.2.	Tỷ lệ cơ quan, đơn vị đã hoàn thành việc thực hiện kết luận thanh tra	%	-	
<b>5.</b>	<b>Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức</b>	Có = 1; Không = 0	<b>1</b>	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.1.	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	60	
5.2.	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0; Phát phiếu = 1; Kết hợp = 2	-	Khảo sát trực tiếp bằng phần mềm khi công dân đến nộp hồ sơ
<b>II</b>	<b>CẢI CÁCH THỂ CHẾ</b>			
<b>1.</b>	<b>Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành</b>	Văn bản	-	
1.1.	Số VBQPPL do cấp tỉnh ban hành	Văn bản	04	Tham mưu cho UBND tỉnh trình HĐND ban hành 06 Nghị quyết về cơ chế chính sách
1.2.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	-	
1.3.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	-	
<b>2.</b>	<b>Kiểm tra, xử lý VBQPPL</b>			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản		
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%	0	
2.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra	Văn bản	-	
2.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	
<b>3.</b>	<b>Rà soát VBQPPL</b>			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền của cấp tỉnh	Văn bản	0	
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%	0	
3.2.1.	Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát	Văn bản	-	
3.2.2.	Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong	Văn bản	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>III</b>	<b>CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH</b>			
1.	<b>Thống kê TTHC</b>			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục	40	
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	0	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	0	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	127	
1.4.1.	Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	86	
1.4.2.	Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	36	
1.4.3.	Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)	Thủ tục	05	
2	<b>Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông</b>			
2.1	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	07	
2.2	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	00	
2.3	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính.	Thủ tục	01	
<b>3</b>	<b>Kết quả giải quyết TTHC</b>			
3.1	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	100%	
3.1.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	324	
3.1.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	324	
3.2	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.2.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	-	
3.2.3	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ		
3.3	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	-	
3.3.1	Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong	Hồ sơ	-	
3.3.2	Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn	Hồ sơ	0	
3.4	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1	Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)	PAKN	0	
3.4.2	Số PAKN đã giải quyết xong	PAKN	0	
<b>4</b>	<b>Thực hiện nhiệm vụ Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao</b>			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	14	
4.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	14	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	-	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	-	
<b>5</b>	<b>Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp</b>	Không = 0 Có = 1	0	
<b>IV</b>	<b>CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY</b>			
<b>1</b>	<b>Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy</b>			
1.1	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	-	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
1.2	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	-	
1.3	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban	-	
1.4	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức	-	
1.5	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) cơ quan	Cơ quan, đơn vị	-	
1.5.1	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị	-	
1.5.2	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị	37	
1.5.3	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	-	
1.5.4	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	-	
<b>2</b>	<b>Số liệu về biên chế công chức</b>			
2.1	Tổng số biên chế được giao trong năm 2022	Người	58	
2.2	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	55	
2.3	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	02	
2.4	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	8	
2.5	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	12,5	58/66
<b>3</b>	<b>Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập</b>			
3.1	Tổng số người làm việc được giao	Người	1838	
3.2	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1642	
3.3	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	20	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
3.4	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	55	Đã giảm được 50% so với Kế hoạch TGBC của năm 2021
<b>V</b>	<b>CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ</b>			
<b>1</b>	<b>Vị trí việc làm của công chức, viên chức</b>			
1.1	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị, phòng	9	
1.2	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	37	
1.3	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	-	
<b>2</b>	<b>Tuyển dụng công chức, viên chức</b>			
2.1	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	0	
2.2	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
2.3	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên.	Người	0	
2.4	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển).	Người	21	
2.5	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt.	Người	0	
<b>3</b>	<b>Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kế từ đầu năm)</b>	Người	0	
<b>4</b>	<b>Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền).</b>		0	
4.1	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật.	Người	0	
4.2	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ	Người	0	

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	luật.			
4.4	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật.	Người	0	
<b>VI</b>	<b>CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG</b>			
1	<b>Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công</b>	%	0	Không thuộc thẩm quyền được thực hiện
1.1	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	0	
1.2	Đã thực hiện	Triệu đồng	0	
2	<b>Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)</b>			
2.1	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	-	
2.2	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị	-	
2.3	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.4	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị	4	
2.4.1	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.4.2	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị	-	
2.4.3	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	4	
2.5	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	33	
2.6	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị		

STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
<b>VII</b>	<b>XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ</b>			
<b>1</b>	<b>Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất</b>	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
<b>2</b>	<b>Xây dựng và vận hành Hệ thống hợp trực tuyến</b> <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện.</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã.</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	2	
<b>3</b>	<b>Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia</b>	%	1	
<b>4</b>	<b>Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP).</b>	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	1	
<b>5</b>	<b>Số liệu về trao đổi văn bản điện tử</b>			
5.1	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã		-	
5.1.1	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	-	
5.1.2	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	-	
5.1.3	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	-	
5.2	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương ( <i>Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử.</i> )	%	100	Văn bản đến: 2879; Văn bản đi: 1342
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%	100	
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	-	



STT	Chỉ tiêu thống kê (Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	-	
5.3	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh		-	
5.3.1	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	-	
5.3.2	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	-	
5.3.3	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	-	
<b>6</b>	<b>Cung cấp dịch vụ công trực tuyến</b>		-	
6.4	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100%	
6.4.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	05	
6.4.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	05	
6.4.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	0	
6.5	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.5.1	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	86	
6.5.2	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	86	
6.5.3	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	55	
6.6	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100%	
6.6.1	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	127	
6.6.2	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai	Thủ tục	127	

STT	Chỉ tiêu thống kê <i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Kết quả thống kê		Ghi chú
		Đơn vị tính	Số liệu	
	<i>trên Cổng DVC quốc gia</i>			
6.7	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 <i>(Chỉ thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)</i>	%	100%	
6.7.1	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	138	
6.7.2	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	138	
6.8	Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến	%	100%	
6.8.1	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí, ...)</i>	<i>Thủ tục</i>	01	
6.8.2	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	01	